Phụ lục 01

DANH MỤC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH NĂM 2021 SANG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Giải ngân Kế hoạch 2021 đến ngày 31/12/2021	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh					
	TỔNG SỐ					**3,557,148**	**923,966**	**244,612**	**183,759**	**60,853**	**60,853**	
A	**NGUỒN CÂN ĐỐI NSĐP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG**					**3,104,766**	**663,284**	**169,588**	**117,558**	**52,030**	**52,030**	
I	**BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**					**1,085,382**	**191,857**	**39,623**	**6,651**	**32,972**	**32,972**	
1	Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7575168	2019-2023	669-14/7/2017	564,145	69,732	6,321	3,678	2,643	2,643	Dự án thực hiện theo tiến độ
2	Đối ứng dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei (giai đoạn 1)	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	7684480	2016-2020	1211-31/10/2018	434,647	113,465	30,000		30,000	30,000	Dự án thực hiện theo tiến độ
3	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND-UBND, Mặt trận đoàn thể và các công trình phụ trợ huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	7551365	2016-	487-06/5/2016; NQ 60-08/12/2020	86,590	8,660	3,302	2,973	329	329	Dự án hoàn thành trong năm
II	**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**					**58,748**	**58,748**	**15,530**	**503**	**15,027**	**15,027**	
1	Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2020-2030 và định hướng đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7767694	2020-	752-05/8/2020	58,748	58,748	15,530	503	15,027	15,027	Dự án thực hiện theo tiến độ
III	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**					**1,615,957**	**90,000**	**2,150**	**474**	**1,676**	**1,676**	
1	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	7896025		219-24/3/2021	25,038		200		200	200	
2	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898791		1271-17/12/2020	101,591	90,000	300		300	300	
3	Trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành và các hạng mục phụ trợ	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	7904207		369-14/5/2021	245,000		1,050	397	653	653	
4	Rà phá bom mìn, vật nổ còn soát lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686		376-14/5/2021	69,235		50		50	50	
5	Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	7910949		381-14/5/2021	985,797		250		250	250	
6	Cơ sở huấn luyện dự bị động viên/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686		405-14/5/2021	143,761		150		150	150	
7	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình, lưu trữ và truyền dẫn phát sóng phát thanh	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	7924817		298-16/4/2021	10,535		100	77	23	23	
8	Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam	UBND huyện Kon Plong	7924821		656-27/7/2021	35,000		50		50	50	
IV	**QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**							**4,000**	**2,273**	**1,727**	**1,727**	Nhiệm vụ thực hiện theo tiến độ

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Giải ngân Kế hoạch 2021 đến ngày 31/12/2021	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh					
V	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**					**344,679**	**322,679**	**108,285**	**107,657**	**628**	**628**	
a)	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025***					***216,481***	***194,481***	***60,285***	***59,665***	***620***	***620***	
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2021**					**216,481**	**194,481**	**60,285**	**59,665**	**620**	**620**	
1	Cầu qua sông Đăk Bla (từ xã Vinh Quang đi phường Nguyễn Trãi, Thành phố Kon Tum - Cầu số 3)	BQL các dự án 98	7644675	2018-2021	770-11/8/2017	121,522	121,522	27,000	26,943	57	57	Dự án hoàn thành trong năm
2	Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum	Sở Khoa học và Công nghệ	7603194	2019-2021	1217-31/10/2019	25,000	25,000	12,500	12,083	417	417	Dự án hoàn thành trong năm
3	Di dời, tái định cư cho các hộ dân tại 03 xã: Tê Xăng, Tu Mơ Rông, Đăk Rơ Ông và Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMT TQ VN) xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	7794907	2019-	1137-17/10-2019	69,959	47,959	20,785	20,638	147	147	Dự án hoàn thành trong năm
b)	***Dự án khởi công mới năm 2021***					***128,198***	***128,198***	***48,000***	***47,992***	***8***	***8***	
(2)	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2021**					**128,198**	**128,198**	**48,000**	**47,992**	**8**	**8**	
1	Xây dựng mới hội trường Tỉnh uỷ, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	7896024		438-21/5/2021	128,198	128,198	48,000	47,992	8	8	Dự án thực hiện theo tiến độ
C	**NGUỒN THU SỐ KIẾN THIẾT**					**196,591**	**196,591**	**59,424**	**57,637**	**1,787**	**1,787**	
II	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**					**101,591**	**101,591**	**44,600**	**44,407**	**193**	**193**	
	Dự án khởi công mới năm 2021					**101,591**	**101,591**	**44,600**	**44,407**	**193**	**193**	
1	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898791	2020-	864-16/9/2021	101,591	101,591	44,600	44,407	193	193	Dự án thực hiện theo tiến độ
III	**LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**					**60,000**	**60,000**	**13,624**	**12,094**	**1,530**	**1,530**	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2021					***60,000***	***60,000***	***13,624***	***12,094***	***1,530***	***1,530***	
1	Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường	Bệnh viện Y dược - PHCN	7814362	2020-	311-03/4/2020	60,000	60,000	13,624	12,094	1,530	1,530	Dự án thực hiện theo tiến độ
IV	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**					**35,000**	**35,000**	**1,200**	**1,136**	**64**	**64**	
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2021**					**35,000**	**35,000**	**1,200**	**1,136**	**64**	**64**	
1	Hiện đại hóa trang thiết bị Trung tâm sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình và hệ thống tổng khống	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	7628735	2017-	980-28/9/2017	35,000	35,000	1,200	1,136	64	64	Dự án hoàn thành trong năm
D	**CÁC NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020**					**5,791**	**5,791**	**4,000**	**2,922**	**1,078**	**1,078**	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Giải ngân Kế hoạch 2021 đến ngày 31/12/2021	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 tiếp tục thực hiện	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh					
1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Phòng họp trực tuyến Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh	7904208		512-11/6/2021	5,791	5,791	4,000	2,922	1,078	1,078	Sử dụng nguồn tiết kiệm chi chưa được cho phép kéo dài
E	**PHÍ SỬ DỤNG CÁC CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG TRONG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU QUỐC TẾ**					**250,000**	**58,300**	**11,600**	**5,642**	**5,958**	**5,958**	
1	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	7179656		153-11/11/2009; 600-28/6/2017	250,000	58,300	11,600	5,642	5,958	5,958	Dự án thực hiện theo tiến độ

Phụ lục 02

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN IA H'DRAI

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kê hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
		Số QĐ - ngày /tháng/ năm	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
	Tổng số		**26,459**	**22,216**	**14,518**	**9,015**	**5,502**	**5,502**	
I	**Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND**		**3,134**	**3,134**	**3,134**	**2,923**	**211**	**211**	
1	Công trình Đường ĐĐT33 (N64-N65)	123/QĐ-UBND ngày 08/5/2021	1,628	1,628	1,628	1,570	58	58	
2	Công trình Đường ĐĐT36 (N9-N66)	119/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1,506	1,506	1,506	1,353	153	153	
II	**Nguồn Đầu tư các công trình cấp bách khác**		**11,163**	**11,163**	**7,746**	**4,647**	**3,099**	**3,099**	
1	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	202/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	11,163	11,163	7,746	4,647	3,099	3,099	
III	**Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2020**		**3,832**	**1,710**	**1,710**	**473**	**1,237**	**1,237**	
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia	256/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	3,832	1,710	1,710	473	1,237	1,237	
IV	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**		**4,498**	**4,498**	**1,327**	**804**	**523**	**523**	
1	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Tơi (Giai đoạn 2)	490/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	4,200	4,200	1,029	525	504	504	
2	Nhà văn hóa cộng đồng thôn 8 xã Ia Tơi; Hạng mục: Cổng, tường rào, mương thoát nước	67/QĐ-UBND xã Ia Tơi ngày	298	298	298	279	19	19	

V	**Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung**		**3,832**	**1,710**	**600**	**168**	**432**	**432**	
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất tập trung trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ia	256/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	3,832	1,710	600	168	432	432	

Phụ lục 03

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN KON RẪY

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kê hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	TMĐT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
	Tổng số			**2,080**	**2,080**	**684**	**462**	**222**	**222**	
I	**Thu tiền sử dụng đất**			**2,080**	**2,080**	**684**	**462**	**222**	**222**	
-	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai			2,080	2,080	684	462	222	222	
	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kon Rẫy	7907664	QĐ 246-21/06/2021	2,080	2,080	684	462	222	222	

Phụ lục 04

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN KON PLÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	TMĐT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
	Tổng số			**606,675**	**605,566**	**38,656**	**1,512**	**37,144**	**37,144**	
I	**Nguồn tăng thu ngân sách huyện**			**7,120**	**7,120**	**7,120**		**7,120**	**7,120**	
1	Chỉnh trang đô thị (chỉnh trang hệ thống điện, bảng điện tử, trụ đèn Led phục vụ tết nguyên đán)	7938500	1600-19/11/2021	950	950	950		950	950	
2	Chỉnh trang đô thị (chỉnh trang hệ thống điện, bảng điện tử, trụ đèn Led chào mừng ngày giải phóng miền Nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5)	7938865	1606-29/12/2021	950	950	950		950	950	
3	Thủy lợi Nước Niêu thôn Đăk Da, xã Đăk Ring	7939765	1606-29/12/2021	1,120	1,120	1,120		1,120	1,120	
4	Nước sinh hoạt làng Đăk Ngó và Làng Măng Lép thôn Đăk Chun, xã Măng Bút	7939766	1606-29/12/2021	1,100	1,100	1,100		1,100	1,100	
5	Chỉnh trang đô thị (chỉnh trang cây xanh đô thị)	7941000	1606-29/12/2021	1,500	1,500	1,500		1,500	1,500	
6	Dự án đầu tư các xã, thị trấn	7941314	1606-29/12/2021	1,500	1,500	1,500		1,500	1,500	
II	**Thu tiền sử dụng đất**			**599,555**	**598,446**	**31,536**	**1,512**	**30,024**	**30,024**	
1	Đường từ trung tâm huyện kết nối đường Đông Trường Sơn	7930585	NQ 31-09/7/2021	60,810	60,810	550		550	550	
2	Cầu vọng cảnh một tháp	7930075	NQ46-16/11/2021	39,998	39,998	380		380	380	
3	Trung tâm điều hành thông minh huyện Kon Plông	7929891	NQ46-16/11/2021	154,066	154,066	622		622	622	
4	Trụ sở thị trấn Măng Đen.	7930071	NQ46-16/11/2021	23,000	23,000	200		200	200	
5	Đường ĐH34 (đoạn từ Km116+650 QL24 đi Km5+460)	7930053	NQ46-16/11/2021	99,979	99,979	800		800	800	
6	Nâng cấp cụm đường khu Tây huyện Kon Plông (Đường Nguyễn Văn Trỗi, Đinh Bộ Lĩnh, Tố Hữu, Đoàn	7930062	NQ46-16/11/2021	20,000	20,000	200		200	200	

7	Nâng cấp, mở rộng Đường Phan Bội Châu khu phía Đông Nam huyện	7929887	NQ46-16/11/2021	68,269	68,269	600		600	600	
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu phía Đông Nam khu trung tâm hành chính huyện	7929888	NQ46-16/11/2021	14,900	14,900	140		140	140	
9	Nhà máy cấp nước sinh hoạt số 2 khu vực thị trấn Măng Đen	7930063	NQ46-16/11/2021	90,000	90,000	700		700	700	
13	Nâng cấp đường số 7 khu TT huyện (hạng mục: Vỉa hè, thoát nước) làm hai bên	7790778	158-26/01/2021	1,636	1,423	1,423	64	1,359	1,359	
14	Nâng cấp đường số 8 khu TT huyện (hạng mục: Vỉa hè, thoát nước) làm hai bên	7790779	159-26/01/2021	1,395	1,213	1,213	56	1,157	1,157	
15	Nâng cấp đường số 8 khu dân cư phía Bắc	7790790	2407a-30/10/2020	847	760	760	46	714	714	
16	Nâng cấp đường số 10 khu dân cư phía Bắc	7790791	2408-30/10/2020	1,011	885	885	52	833	833	
17	Nâng cấp đường số 13 khu dân cư phía Bắc	7790658	2410-30/10/2020	952	830	830	47	783	783	
18	Đường số 6 khu dân cư phía Nam	7790661	2393-30/10/2019	600	515	515	28	487	487	
19	Nhà làm việc khối mặt trận huyện	7790671	2390a-30/10/2019	4,980	4,687	4,687		4,687	4,687	
20	Đầu tư cơ sở hạ tầng làng nghề Kon Năng	7902729	636-01/06/2021	1,780	1,780	1,700	787	913	913	
21	Cải tạo, chỉnh trang hồ Toong Pô	7930073	148-21/02/2022	4,900	4,900	4,900	303	4,597	4,597	
22	Duy tu, tôn tạo di tích lịch sử Căn cứ Huyện ủy H29	7930067	1014-25/08/2021	900	900	900	51	849	849	
23	Duy tu, tôn tạo di tích lịch sử Chiến thắng Măng Bút	7930068	1398-24/11/2021	600	600	600	32	568	568	
24	Đường vào công viên cây xanh khu Đông Nam	7930069	189-29/01/2021	850	850	850	47	803	803	
25	Lắp đặt các biển quảng cáo du lịch	7938864	1286-08/11/2021	2,900	2,900	2,900		2,900	2,900	
26	Cầu treo đi khu sản xuất thôn Kon Leang	7938502	160-31/12/2021	826	826	826		826	826	
27	Thủy lợi nước tơ thôn Kon Brẫy	7938501	159-31/12/2021	1,000	1,000	1,000		1,000	1,000	
28	Hội trường Tổ dân phố 02	7938505	156-31/12/2021	1,144	1,144	1,144		1,144	1,144	
29	Hội trường Tổ dân phố 03	7938504	157-31/12/2021	1,116	1,116	1,116		1,116	1,116	
30	Hội trường Tổ dân phố 04	7938503	158-31/12/2021	1,095	1,095	1,095		1,095	1,095	

Phụ lục 05

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐĂK TÔ

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ	TMĐT						
				Tổng số (tất cả các nguồn	Trong đó: NSĐP					
	Tổng số					**4,096.48**	**2,995.89**	**1,100.60**	**1,100.60**	
I	**Cân đối ngân sách huyện**					**2,118.30**	**1,457.30**	**661.00**	**661.00**	
1	**Thu tiền sử dụng đất ngân sách huyện**					**1,730.30**	**1,457.30**	**273.00**	**273.00**	
	- Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các nhiệm vụ quản lý đất đai theo phân cấp					1,730.30	1,457.30	273.00	273.00	
2	**Tăng thu sử dụng đất năm 2020**					**388.00**	**0.00**	**388.00**	**388.00**	
	- Thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các nhiệm vụ quản lý đất đai theo phân cấp					388.00		388.00	388.00	
II	**Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu**					**1,978.18**	**1,538.58**	**439.60**	**439.60**	
	Thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh bổ sung					**1,978.18**	**1,538.58**	**439.60**	**439.60**	
-	Chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử					1,978.18	1,538.58	439.60	439.60	

Phụ lục số 06

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN TU MƠ RÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
		Số QĐ - ngày /tháng/ năm	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
	Tổng số		**14,399**	**1,761**	**879**	**317**	**562**	**562**	
I	**Thu tiền sử dụng đất**		**0**	**0**	**140**	**0**	**140**	**140**	
1	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối		0	0	140	0	140	140	
-	Hệ thống cống thoát nước; trồng cây xanh; khuôn viên vườn hoa; hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm huyện				140		140	140	
II	**Kế hoạch vốn huyện giao tăng thêm (nguồn tăng thu, tiết kiệm chi …)**		**4,178**	**521**	**326**	**169**	**157**	**157**	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Đăk Tờ Kan	617/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021	1,983.49	325.57	201	127	74	74	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Măng Ri	619/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021	819.71	164.25	114	43	72	72	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Ngọk Yêu	620/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021	1,375.11	31.39	11		11	11	
III	**Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu hỗ trợ thực hiện dự án trồng rừng năm 2021**		**10,221**	**1,239**	**412**	**147**	**265**	**265**	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Đăk Tờ Kan	617/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021	1,983.49	325.57	125		125	125	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Đăk Rơ Ông	615/QĐ-UBND, ngày 20/9/2021	2,586.66	446.63	135	61	75	75	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Đăk Sao	612/QĐ-UBND, ngày 20/9/2021	1,543.96	248.00	60	45	15	15	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Đăk Hà	622/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021	2,349.52	39.38	17		17	17	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Tu Mơ Rông	616/QĐ-UBND, ngày 21/9/2021	874.72	164.25	60	37	23	23	
-	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn xã Văn Xuôi	614/QĐ-UBND, ngày 20/9/2021	882.46	15.49	15	5	11	11	

Phụ lục 07

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐĂK HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân KH vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
				Tổng số (tất cả các nguồn	Trong đó: Phân cấp NSĐP					
	Tổng số			**22,017**	**21,735**	**20,755**	**20,186**	**569**	**404**	
I	**Phân cấp hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp**			**5,989**	**5,600**	**5,600**	**5,547**	**53**	**53**	
1	Công trình: Cụm công nghiệp Đăk Mar. Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	7893982	424 - 05/4/2021	5,989	5,600	5,600	5,547	53	53	
II	**Nguồn thu sử dụng đất để lại Ngân sách huyện 2021**			**8,117**	**8,095**	**7,115**	**6,918**	**197**	**197**	
1	Công trình: Dự án khai thác quỹ đất khu vực 3.7, tại thôn Tân Lập A, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	7900928	412 - 01/4/2021	6,287	6,287	5,435	5,369	66	66	
2	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Đăk Hà)	7930651	750 - 01/6/2021	171	149	100	0	100	100	
3	Tường rào Khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện	7926507	1411; 28/10/2021	1,659	1,659	1,580	1,549	31	31	
III	**Ngân sách tỉnh hỗ trợ công trình cấp bách**			**4,411**	**4,200**	**4,200**	**4,083**	**117**	**43**	
1	Công trình: Khắc phục sạt lở công trình đường giao thông tránh lũ từ thôn 10, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà đi thôn 2, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô *(Cầu Km 15+560 tại địa điểm xã Đăk Long).*	7892341	332 - 23/3/2021	4,411	4,200	4,200	4,083	117	43	
IV	**Nguồn vốn tăng thu ngân sách huyện năm 2020**			**0**	**400**	**400**	**303**	**97**	**59**	
1	Xây dựng kè chống sạt lở đất bờ sông Đăk Pxi tại điểm trường Tô Vĩnh Diện, xã Đăk Pxi	7893984	457 - 12/4/2021		400	400	303	97	59	
V	**Nguồn vốn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2020**			**2,000**	**2,000**	**2,000**	**1,949**	**51**	**36**	
1	Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát an ninh huyện Đăk Hà	7004692	1461 - 04/11/2021	2,000	2,000	2,000	1,949	51	36	
VI	**Nguồn thu XSKT phân cấp về ngân sách huyện**			**1,500**	**1,440**	**1,440**	**1,386**	**54**	**16**	
1	Trường TH Phan Đình Giót, xã ĐăkHring. Hạng mục: Xây mới 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác	7892343	381; 29/3/2021	1,500	1,440	1,440	1,386	54	16	

Phụ lục 08

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Mã dự án đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	Tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP					
	TỔNG SỐ			**12,029**	**11,730**	**11,557**	**11,260**	**297**	**297**	
*	**Nguồn tăng thu ngân sách thành phố**			**12,029**	**11,730**	**11,557**	**11,260**	**297**	**297**	
1	Trường tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Kon Tum; hạng mục: Nhà học 08 phòng và một số hạng mục phụ trợ.	7897743	861-30/3/2021	5,800	5,800	5,797	5,710	87	87	
2	Sửa chữa, thay thế các thiết bị điện, điện tử bị hư hỏng của hệ thống điện chiếu sáng công cộng; hệ thống đèn tín hiệu giao thông và cải tạo, sữa chữa Biểu tượng trụ đồng hồ tại nút giao thông Trần Phú - Nguyễn Huệ, thành phố Kon Tum	7903094	199-25/01/2021	1,000	700	700	642	58	58	
3	Trồng hoa giải phân cách đường Võ Nguyên Giáp (đoạn gần ngã 3 Trung tín), thành phố Kon Tum.	7910098	857-30/3/2021	1,123	1,123	1,097	1,048	49	49	
4	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công lộ tại đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Kon Tum (đoạn đường có giải phân cách).	7908292	855-30/3/2021	3,286	3,286	3,270	3,202	68	68	
5	Lắp đặt bổ sung và thay thế các bộ đèn chiếu sáng của hệ thống chiếu sáng công cộng tại các bảng Pa nô “Thành phố Kon Tum kính chào Quý khách” và các đèn chiếu sáng tại khu vực xung quanh đảo giao thông	7903426	859-30/3/2021	821	821	693	658	35	35	

Phụ lục 09

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 SANG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NGỌC HỒI

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Mức vốn kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	TMĐT						
				Tổng số (tất cả các nguồn	Trong đó: NSĐP					
	Tổng số			**154,126**	**6,603**	**5,260**	**4,376**	**884**	**884**	
II	**Thu tiền sử dụng đất**			**154,126**	**6,603**	**5,260**	**4,376**	**884**	**884**	
1	Đường nội bộ khu dân cư thôn 4 (sau lưng Gara xe Long Beo)	7920485	379- 1/10/2021	645	645	561	519	42	42	
2	Đường nội bộ khu dân cư thôn 5 - Nối với đường Urê	7920785	381-6/10/2021	446	446	398	378	20	20	
3	Đường dân sinh thôn 7 (điểm đầu giao với đường N5, điểm cuối giao với đường bê tông đi khu sản xuất)	7926455	437-5/11/2021	901	901	814	782	32	32	
4	Sửa chữa hội trường các thôn, tổ dân phố (giai đoạn 1) ,thôn 7, tổ dân phố 4,6, 7	7926506	446-8/11/2021	1,400	1,400	986	958	28	28	
5	Sữa chữa, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn huyện	7929802	2375-23/11/2021	1,150	340	340	305	35	35	
6	Chỉnh trang vỉa hè đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Plei Kần (giai đoạn 2)	7929801	471-24/11/2021	1,533	1,533	824	759	65	65	
7	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ngọc Hồi	7927789	1823 16/09/2021	148,050	1,337	1,337	675	662	662	

PHỤ LỤC 10

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2021 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2022 CHƯA PHÂN BỔ CHI TIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch năm 2022 đã giao	Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh lại		Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng	Tăng	Giảm	
	Tổng cộng				**226,465**		**21,476**	**8,000**	**21,476**		
I	**Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2021 không sử dụng chuyển qua 2022**				**226,465**		**21,476**	**8,000**	**21,476**		
1	Cải tạo, sửa chữa và bổ sung trang thiết bị Sân Vận động tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Kon Tum	688-31/12/2021	16,000		8,000	8,000	8,000		
2	Xây mới 04 hồ chứa nước phòng cháy chữa cháy Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh	BQL Khu BTTN Ngọc Linh	Đăk Glei	677-30/12/2021	38,000		2,000		2,000		
3	Đài quan sát chuyên trách 13K5-4 phòng không nhân dân huyện Ngọc Hồi	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ngọc Hồi	17-11/3/2022	3,760		3,710		3,710		
4	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Đăk Glei	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đăk Glei	41-02/3/2022	6,470		4,766		4,766		
5	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673	Sở Giao thông vận tải	Đăk Glei	235-22/3/2022	162,235		3,000		3,000		